



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Dương Hiếu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600341471 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30 tháng 06 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 28 ngày 31 tháng 7 năm 2019.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Dương Hữu Hiếu	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Vương (*)	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/9/2019)
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên
Ông Văn Tiến Đức	Thành viên

(*) Ông Nguyễn Thành Vương miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 18/9/2019 theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT/2019 ngày 18/09/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông và bầu bổ sung thành viên thay thế tại đại hội gần nhất.

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Phương Hà (**)	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/01/2020)

(**) Bà Mai Thị Phương Hà thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 14/01/2020 theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT/2020 ngày 14/01/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ban Kiểm soát

Ông Dương Xuân Trường	Trưởng ban
Bà Trương Thị Tuyết	Thành viên
Nguyễn Thị Thương Huyền	Thành viên (Đến ngày 28/3/2019)
Bà Nguyễn Thị Oanh	Thành viên (Từ ngày 29/3/2019)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

6. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 40, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cũng với bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



DƯƠNG HỮU HIẾU

Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020



Số: 011/2020/BCKT-HT.00096

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 5 năm 2020, từ trang 6 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty vào ngày 03 tháng 4 năm 2020, do đó, chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê thực tế tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tình hiện hữu đối với số dư tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc năm tài chính với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 với giá trị lần lượt là 34.883.665.393 đồng và 123.843.188.578 đồng.
- Như trình bày tại thuyết minh số 5.2 phần thuyết minh báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá sẽ không phát sinh tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt do đó không trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2018. Với các thông tin hiện có, chúng tôi xác định nếu Công ty trích lập khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn nếu trên thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2019 sẽ tăng 11.519.389.803 đồng, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" sẽ tăng với số tiền 11.519.389.803 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" tại ngày 01/01/2019 sẽ giảm đi tương ứng số tiền là 11.519.389.803 đồng. Đồng thời, tại ngày 31/12/2019 Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn nêu trên, theo đó trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" sẽ giảm đi số tiền 11.519.389.803 đồng.

Khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 của Báo cáo tài chính đính kèm không thay đổi do tại thời điểm 31/12/2019 không phát sinh khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cần trích lập đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 03 năm 2019.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 1573-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGUYỄN THỊ THANH MINH

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0068-2018-009-1

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số 1309, ngõ 1581, đường 3/2, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		273.841.534.465	300.779.777.388
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	37.866.731.759	9.174.384.903
Tiền	111		37.866.731.759	9.174.384.903
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.860.663.986	211.894.735.989
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	119.885.313.533	215.971.100.109
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.314.945.186	10.759.354.020
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	5.058.131.904	3.009.060.297
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(18.397.726.637)	(17.844.778.437)
Hàng tồn kho	140	5.7	121.914.668.270	78.180.887.256
Hàng tồn kho	141		123.843.188.578	78.180.887.256
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.928.520.308)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.199.470.450	1.529.769.240
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	895.956.889	433.206.566
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.302.371.616	1.086.635.301
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	1.141.945	9.927.373
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		295.445.855.382	310.218.693.833
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.185.550.484	9.053.909.481
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	3.185.550.484	9.053.909.481
Tài sản cố định	220		92.667.452.245	95.851.002.247
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	13.544.046.098	15.273.935.384
- Nguyên giá	222		25.152.685.086	26.619.725.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.608.638.988)	(11.345.790.595)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	79.123.406.147	80.577.066.863
- Nguyên giá	228		90.073.584.720	90.073.584.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.950.178.573)	(9.496.517.857)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		24.914.405.920	18.028.624.733
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	24.914.405.920	18.028.624.733
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	173.000.000.000	183.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		173.000.000.000	173.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	10.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.678.446.733	4.285.157.372
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	1.678.446.733	4.285.157.372
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		569.287.389.847	610.998.471.221

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số 1309, ngõ 1581, đường 3/2, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		211.357.469.737	257.111.554.204
Nợ ngắn hạn	310		211.200.532.237	256.506.935.454
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	56.261.085.718	127.259.298.143
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	21.438.468.218	7.240.332.695
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	2.355.170.112	3.828.081.479
Phải trả người lao động	314		2.234.623.143	972.038.714
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.925.030.179	449.465.414
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	21.700.200
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	277.848.922	5.284.033.513
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	125.726.920.182	110.504.275.790
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		981.385.763	947.709.506
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		156.937.500	604.618.750
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	156.937.500	604.618.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		357.929.920.110	353.886.917.017
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	357.929.920.110	353.886.917.017
Vốn góp của chủ sở hữu	411		313.961.800.000	313.961.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		313.961.800.000	313.961.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(143.500.000)	(143.500.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		30.283.712.489	29.021.558.474
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.827.907.621	11.047.058.543
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.153.827.521	4.736.288.468
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.674.080.100	6.310.770.075
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		569.287.389.847	610.998.471.221

NGƯỜI LẬP BIỂU



HÀ THỊ HẢI YÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐẶNG THIỆU HOA

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



 DƯƠNG HỮU HIẾU

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số 1309, ngõ 1581, đường 3/2, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.112.418.741.747	898.618.532.344
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	89.982.000
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)	10		1.112.418.741.747	898.528.550.344
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.062.595.554.785	848.653.071.794
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		49.823.186.962	49.875.478.550
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	97.299.523	84.097.659
Chi phí tài chính	22	6.4	14.124.777.008	10.377.385.974
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.051.436.521	10.314.742.038
Chi phí bán hàng	24	6.7	8.370.364.284	8.224.695.408
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.8	16.368.726.095	21.084.361.847
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		11.056.619.098	10.273.132.980
Thu nhập khác	31	6.5	784.343.058	1.845.094.749
Chi phí khác	32	6.6	4.764.416.608	4.164.743.158
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.980.073.550)	(2.319.648.409)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.076.545.548	7.953.484.571
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	2.402.465.448	1.642.714.496
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4.674.080.100	6.310.770.075
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	133,99	187,02
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	133,99	187,02

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



HÀ THỊ HẢI YÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐẶNG THIỆU HOA

TỔNG GIÁM ĐỐC



DƯƠNG HỮU HIẾU

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số 1309, ngõ 1581, đường 3/2, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		7.076.545.548	7.953.484.571
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.080.931.553	2.206.905.765
Các khoản dự phòng	03		2.481.468.508	57.030.299
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.582.208)	(70.080)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		4.193.780.207	(283.527.321)
Chi phí lãi vay	06		10.051.436.521	10.314.742.038
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.878.580.129	20.248.565.272
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		111.106.942.281	(15.340.400.389)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(44.208.640.606)	7.299.578.743
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(60.389.285.862)	8.620.455.018
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		2.143.960.316	2.161.861.482
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.046.949.672)	(10.307.939.317)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.357.442.322)	(2.223.755.608)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(597.400.750)	(246.114.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.529.763.514	10.212.250.297
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(10.763.460.368)	(17.738.301.731)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		3.140.628.359	1.270.308.739
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(38.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	505.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.464.473	19.688.849
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.612.367.536)	(53.943.304.143)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	62.387.070.000
Tiền thu từ đi vay	33	7.2	385.430.090.935	430.204.151.879
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(370.655.127.793)	(444.581.091.465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.774.963.142	48.010.130.414
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.174.384.903	4.895.238.255
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(12.264)	70.080
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	37.866.731.759	9.174.384.903

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





HÀ THỊ HẢI YẾN

ĐẶNG THIỆU HOA

DƯƠNG HỮU HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thánh, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Dương Hiếu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600341471 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30 tháng 08 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 28 ngày 31 tháng 7 năm 2019.

Vốn điều lệ: 313.961.800.000 đồng

1.2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Vật liệu chịu lửa, gạch chịu lửa, sơn, gỗ cây, gỗ chế biến, đá ốp lát, thiết bị vệ sinh và các thiết bị, vật liệu xây dựng khác.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và dịch vụ xây lắp.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thánh, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Hà Nội	Số 59, đường Võ Chí Công, tổ 14, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 92B Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Quảng Nam	Đội 10, thôn Quý Phước, Xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Đà Nẵng	Số 24, An Thượng 20, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
Công ty CP Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Thái Nguyên (*)	Số 2b, đường Hoàng Ngân, tổ 25, phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

(*) Chấm dứt hoạt động từ ngày 21/5/2020 theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2020 ngày 21/5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty. Công ty đang tiến hành các thủ tục có liên quan để chấm dứt hoạt động chi nhánh Thái Nguyên.

Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2019, bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty tại công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	Số 59, đường Võ Chí Công, tổ 14, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	45,00%
Công ty CP Công nghệ Thương mại và Đầu tư Hưng Phát	Số 052, phố Ngọc Uyển, phường Phố Mới, TP. Lào Cai	31,67%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán được Ban Tổng Giám đốc áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào liên kết

Công ty liên kết: là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| • Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 35 năm |
| • Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| • Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 năm |
| • Thiết bị quản lý | 03 năm |
| • Tài sản cố định khác | 08 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

- | | |
|---------------------|--------|
| ▪ Quyền sử dụng đất | 37 năm |
| ▪ Phần mềm máy tính | 3 năm |

4.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một kỳ tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.15 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.16 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo, lỗ chênh lệch tỷ giá, lỗ do thanh lý các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá đầu tư và các khoản chi phí tài chính khác.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	34.883.665.393	7.606.104.015
Tiền gửi ngân hàng	2.983.066.366	1.568.280.888
Cộng	37.866.731.759	9.174.384.903

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	173.000.000.000	-	173.000.000.000	-
Công ty CP khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	135.000.000.000	- (*)	135.000.000.000	- (*)
Công ty CP Công nghệ thương mại và đầu tư Hưng Phát	38.000.000.000	- (*)	38.000.000.000	- (*)
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	10.000.000.000	-
Công ty CP Thương mại và Khai thác khoáng sản miền Trung	-	-	10.000.000.000	- (*)
Cộng	173.000.000.000	-	183.000.000.000	-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tổng tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	Số 59, đường Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Khai thác khoáng sản và thương mại
Công ty CP Công nghệ Thương mại và Đầu tư Hưng Phát	Số 052, phố Ngọc Uyển, phường Phố Mới, TP. Lào Cai	31,67%	31,67%	Thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết:***Kết quả kinh doanh và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt như sau:**

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN (Mã số 60 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh)	26.655.325.279	(25.573.763.393)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421 - Bảng cân đối kế toán)	45.334.726	(26.609.990.553)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tại ngày 31/12/2018 Công ty chưa phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt với giá trị ước tính 11.974.495.749 đồng, do tại thời điểm 31/12/2018 khoản đầu tư này chưa phát sinh tổn thất. Tại ngày 31/12/2018, các khoản đầu tư tài chính của Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt tính theo giá thị trường tại ngày 31/12/2018 là có lãi và có thể gia tăng trong tương lai nên vẫn đảm bảo bù đắp các chi phí đầu tư tài chính và có lợi nhuận.

Kết quả kinh doanh và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty CP Công nghệ Thương mại và Đầu tư Hưng Phát như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN (Mã số 60 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh)	755.262.773	758.049.007
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421 - Bảng cân đối kế toán)	1.513.311.780	758.049.007

5.3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
+ Công ty CP Thương mại Thái Hưng	10.027.747.840	109.413.787.758
+ Doanh nghiệp Tư nhân Tân Phát Vương	11.237.590.960	37.736.547.610
+ Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	32.777.824.453	5.312.451.000
+ DN Tư nhân Tân Phú Thành	-	10.353.266.589
+ Công ty TNHH Công Nghệ Ngọc Long	5.928.622.895	3.253.958.595
+ Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Global Hưng Gia	20.357.967.000	-
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	39.555.560.385	49.901.088.557
Cộng	119.885.313.533	215.971.100.109
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4. Trả trước cho người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Công ty CP Xây Dựng - Tư Vấn Kiến Trúc Và Nội Thất ACF	-	-	7.800.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Kiến Trúc Nam Lộc Phát	2.800.000.000	-	-	-
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Đông Nam Phát	1.700.000.000	-	-	-
Khác	814.945.186	-	2.959.354.020	-
Cộng	5.314.945.186	-	10.759.354.020	-

5.5. Phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Bảo hiểm xã hội	-	-	2.132.050	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cước	2.267.307.247	-	2.995.065.748	-
Tạm ứng	2.785.147.505	-	-	-
Phải thu khác	5.677.152	-	11.862.499	-
Cộng	5.058.131.904	-	3.009.060.297	-
Dài hạn				
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cước (*)	3.185.550.484	-	9.053.909.481	-
Cộng	3.185.550.484	-	9.053.909.481	-

(*) Trong đó, số dư đặt cọc cho Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (Vợ ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty - là bên liên quan của Công ty) tại ngày 31/12/2019 là 2.850.107.732 đồng (tại ngày 01/01/2019 là 7.885.270.000 đồng). Khoản đặt cọc theo hợp đồng số 01/HĐTN - CNHCM giữa Công ty Cổ phần Phát triển toàn cầu Dương Hiếu (tên cũ) với bà Nguyễn Thị Hoài Giang để thuê căn nhà thương mại S16 - Dự án Sài Gòn Pearl giai đoạn 3A, số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích thuê là 1500m², với giá thuê 20 USD/m²/tháng (tương đương 446.800 VND/m²) trong 10 năm, tiền đặt cọc được trừ dần vào tiền thuê nhà hàng năm. Năm 2019, diện tích thuê đã được điều chỉnh giảm xuống còn 250m².

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.6. Nợ xấu

Thời hạn nợ	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công nợ phải thu khách hàng	19.070.945.248	673.218.611	18.002.808.737	158.030.300
<i>Trên 3 năm</i>				
Công ty TNHH Thương mại Dịch Sơn	17.686.743.131	-	17.686.748.138	-
<i>Từ 2 năm đến 3 năm</i>				
Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Xây Lập Thành An A96 Tại Đà Nẵng	150.000.000	45.000.000	316.060.599	158.030.300
<i>Từ 1 năm đến 2 năm</i>				
Công ty TNHH Xây Dựng Dân dụng Và Công Nghiệp Nam Việt	1.028.983.852	514.491.926	-	-
Công ty Cổ phần Việt Nhật Sản xuất và Thương mại	75.468.100	37.734.050	-	-
Công ty TNHH Thiên Bình An	74.162.400	37.081.200	-	-
<i>Từ 06 tháng đến 1 năm</i>				
Công ty TNHH ECOBA Công nghệ Môi trường	55.587.765	38.911.435	-	-
Cộng	19.070.945.248	673.218.611	18.002.808.737	158.030.300

5.7. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	494.258.665	-	544.796.962	-
Công cụ, dụng cụ	15.578.317	-	15.578.317	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.273.357.540	-	16.759.589.565	-
Hàng hoá	105.059.994.056	(1.928.520.308)	60.860.922.412	-
Cộng	123.843.188.578	(1.928.520.308)	78.180.887.256	-

5.8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang	24.914.405.920	24.914.405.920	18.028.624.733	18.028.624.733
Mua sắm tài sản cố định	-	-	1.396.860.728	1.396.860.728
Nhà văn phòng Đà Nẵng (i)	-	-	1.179.856.267	1.179.856.267
Nhà hàng (ii)	24.914.405.920	24.914.405.920	15.451.907.738	15.451.907.738
Cộng	24.914.405.920	24.914.405.920	18.028.624.733	18.028.624.733

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- (i) Dự án Nhà văn phòng Đà Nẵng đã dừng thực hiện và thanh lý trong năm 2019.
- (ii) Dự án Nhà hàng Thuần Việt được Sở xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp giấy phép xây dựng số 677/GPXD ngày 31/03/2017. Theo đó, Công ty được phép xây dựng nhà hàng tại Lô 1+2A14-6 Khu Công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Diện tích lô đất: 1.218,4 m². Tổng diện tích sàn: 1.860m². Tổng chiều cao công trình: 11,5m.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	8.696.704.259	8.848.599.218	7.569.363.791	362.082.352	1.142.976.359	26.619.725.979						
Mua sắm	-	1.163.600.000	-	-	-	1.163.600.000						
Thanh lý, nhượng bán	(1.123.440.267)	-	(1.507.200.626)	-	-	(2.630.640.893)						
Số dư cuối năm	7.573.263.992	10.012.199.218	6.062.163.165	362.082.352	1.142.976.359	25.152.685.086						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	4.329.042.443	1.314.103.319	5.140.482.029	209.316.333	352.846.471	11.345.790.595						
Khấu hao trong năm	397.373.340	979.828.198	587.794.008	55.949.687	59.986.320	2.080.931.553						
Thanh lý, nhượng bán	(310.882.534)	-	(1.507.200.626)	-	-	(1.818.083.160)						
Số dư cuối năm	4.415.533.249	2.293.931.517	4.221.075.411	265.266.020	412.832.791	11.608.638.988						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	4.367.661.816	7.534.495.899	2.428.881.762	152.766.019	790.129.888	15.273.935.384						
Tại ngày cuối năm	3.157.730.743	7.718.267.701	1.841.087.754	96.816.332	730.143.568	13.544.046.098						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.993.453.695 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.987.906.029 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư 01/01/2019	89.783.584.720	290.000.000	90.073.584.720
Mua trong năm	-	-	-
Số dư 31/12/2019	89.783.584.720	290.000.000	90.073.584.720
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư 01/01/2019	9.206.517.857	290.000.000	9.496.517.857
Khấu hao trong năm	1.453.660.716	-	1.453.660.716
Số dư 31/12/2019	10.660.178.573	290.000.000	10.950.178.573
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	80.577.066.863	-	80.577.066.863
Tại ngày 31/12/2019	79.123.406.147	-	79.123.406.147

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 35.513.584.720 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 290.000.000 đồng.

5.11. Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	895.956.889	433.206.566
+ Công cụ dụng cụ	175.946.019	381.239.565
+ Chi phí khác	720.010.870	51.967.001
b) Dài hạn	1.678.446.733	4.285.157.372
+ Công cụ dụng cụ	309.195.060	4.019.730.832
+ Chi phí khác	1.369.251.673	265.426.540
Cộng	2.574.403.622	4.718.363.938

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12. Vay và nợ thuế tài chính

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
I. Vay ngắn hạn	125.726.920.182	125.726.920.182	385.639.340.935	370.416.696.543	110.504.275.790	110.504.275.790
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>125.517.670.182</i>	<i>125.517.670.182</i>	<i>385.430.090.935</i>	<i>370.416.696.543</i>	<i>110.504.275.790</i>	<i>110.504.275.790</i>
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Tân Bình	-	-	1.074.000.000	3.145.000.000	2.071.000.000	2.071.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá (i)	9.923.007.827	9.923.007.827	37.749.174.668	40.894.706.095	13.068.539.254	13.068.539.254
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	4.379.256.827	4.379.256.827	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (ii)	109.933.049.509	109.933.049.509	313.450.595.677	293.878.833.069	90.361.286.901	90.361.286.901
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (Thấu chi)	4.994.456.937	4.994.456.937	26.797.169.710	26.789.568.095	4.986.855.322	4.986.855.322
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (Thẻ Visa)	667.155.909	667.155.909	1.979.894.053	1.329.332.457	16.594.313	16.594.313
Vay dài hạn đến hạn trả	209.250.000	209.250.000	209.250.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (iii)	209.250.000	209.250.000	209.250.000	-	-	-
II. Vay dài hạn	156.937.500	156.937.500	-	447.681.250	604.618.750	604.618.750
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (iii)	156.937.500	156.937.500	-	447.681.250	604.618.750	604.618.750
Cộng (I+II)	125.883.857.682	125.883.857.682	385.639.340.935	370.864.377.793	111.108.894.540	111.108.894.540

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- i. Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá theo hợp đồng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT224-DUONGHIEU ngày 10/11/2019 với hạn mức vay là 35.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động với thời hạn 01 năm, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay chi tiết theo các hợp đồng thế chấp sau:
- Hợp đồng thế chấp số 11021136 ngày 22/09/2011 là Thừa đất số 18, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp theo "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" số 2701120246 ngày 31/12/1998 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của gia đình Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan (Anh trai và chị dâu Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
 - Hợp đồng thế chấp số 11021137 ngày 22/09/2011 là Thừa đất số 22, phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên theo GCN quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 23/12/1999. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của gia đình Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan (Anh trai và chị dâu Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
 - Hợp đồng thế chấp số 11021138 ngày 22/09/2011 là Thừa đất số 443, phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số T397993 ngày 27/6/2001 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
 - Hợp đồng thế chấp số 15021109/HĐTC-DUONGHIEU ngày 19/10/2015 là Căn hộ 307 tòa nhà G03, KĐT Nam Thăng Long, quận Tây Hồ Hà Nội được UBND quận Tây Hồ cấp theo GCN:268/QĐUB ngày 25/02/2014 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (Vợ Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
 - Hợp đồng thế chấp số 13021120/HĐTC ngày 16/05/2013 là Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Fortuner, số khung: RL4ZR69G 0D4016182, số máy: 2KD-U308931. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.
 - Hợp đồng thế chấp số 08042017 ngày 10/04/2017, bao gồm: Xe ô tô con tải HiluxG, biển số 29C-329.80, GCN đăng ký xe số 202519 do CATP Hà Nội cấp ngày 21/03/2014, số khung: MR0FZ29G402538430, số máy: 1KDU494200. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.
 - Hợp đồng thế chấp số 07042017 ngày 10/04/2017, bao gồm: Xe ô tô con Toyota Fortuner, biển số 92C-014.60, GCN đăng ký xe số 004160 do CA tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/01/2013, số khung: RL4ZR69G5C4015561, số máy: 2KDU170271. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.
 - Hợp đồng thế chấp số 0801/2017/HĐTC-DUONGHIEU ngày 09/11/2017 là xe ô tô con Lexus, biển kiểm soát: 30A-318.33. GCN đăng ký xe số 349235 do CATP Hà Nội cấp ngày 03/11/2017, số khung: 00W0E4153961, số máy: 3UR3201010. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Ông Dương Hữu Hiếu và vợ là Bà Nguyễn Thị Hoài Giang.
 - Hợp đồng thế chấp số 16021001/HĐTC-DUONGHIEU ngày 29/02/2016 là Thừa đất số 23, phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM144863 do UBND TP. Thái Nguyên cấp ngày 04/10/2012. Tài

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- sản thế chấp thuộc sở hữu của gia đình Bà Dương Thị Hào và chồng là Ông Vũ Anh Tuấn (Em gái và em rể Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
- Hợp đồng thế chấp số 16021002/HĐTC-DUONGHIEU ngày 29/02/2016 là Thừa đất số 24, phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số R533415 do UBND TP. Thái Nguyên cấp ngày 30/8/2000. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của gia đình Bà Dương Thị Hà và chồng là Ông Ngô Xuân Bình (Chị gái và anh rể Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
- ii. Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số 21425.19.090.491629.TD ngày 21/06/2019 với hạn mức tín dụng là 65.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 06 tháng với lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm khoản vay chi tiết như sau:
- Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 431744, số vào sổ cấp GCN: CH01303 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 09/05/2011; Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 556590, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H12854 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 26/12/2007. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.
 - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán nhà số S16/2015/MB ngày 30/06/2015 giữa Công ty TNHH Vietnam Land SSG và bà Nguyễn Thị Hoài Giang về việc mua bán căn nhà số S-16, địa chỉ: 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, dự án Saigon Pearl. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (Vợ Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty).
 - Hợp đồng số 31490.16.092.491629.BĐ ngày 27/5/2016, bao gồm: 02 máy đào bánh xích Caterpillar Model 329D, máy xúc lật bánh lốp, Máy đào bánh xích Komatsu của Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt.
 - Hợp đồng số 34191.16.092.491629.BĐ ngày 27/5/2016, bao gồm: 02 xe ô tô tải tự đổ CNHTC, 01 xe tải pickup cabin kép Toyota của Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt.
- iii. Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số 15117.17.092.491629.TD ngày 18/08/2017 với số gốc vay là 837.000.000 đồng, mục đích vay để mua 01 xe ô tô Toyota Fortuner, thời hạn vay 48 tháng với lãi suất vay là 9,5%, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Tại 31/12/2019, số dư gốc vay phải trả trong 12 tháng tới là 209.250.000 đồng, gốc vay phải trả sau 12 tháng là 156.937.500 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13. Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn				
Công ty TNHH SIEMENS	4.112.833.531	4.112.833.531	12.792.105.480	12.792.105.480
Công ty TNHH Kinh doanh và TM Hùng Sơn	20.018.115.810	20.018.115.810	-	-
Công ty CP Kim Khí Bắc Thái	23.503.518.763	23.503.518.763	73.405.075.600	73.405.075.600
Công ty CP TM Hà Chung	-	-	23.871.577.680	23.871.577.680
Cambria Company LLC	-	-	3.217.500.376	3.217.500.376
Phải trả người bán khác	8.626.617.614	8.626.617.614	13.973.039.007	13.973.039.007
Cộng	56.261.085.718	56.261.085.718	127.259.298.143	127.259.298.143

5.14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Vàm Cỏ Đông	1.856.619.552	-
Công ty TNHH HB Minh Đức	14.676.534.050	-
Công ty TNHH DV Kỹ thuật Bách Khoa	-	2.757.543.100
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	-	930.989.070
Khách hàng khác	4.905.314.616	3.551.800.525
Cộng	21.438.468.218	7.240.332.695

5.15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**Phải nộp**

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	948.273.782	2.444.464.355	3.331.627.021	61.111.116
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.935.056.347	5.935.056.347	-
Thuế thu nhập DN	2.142.714.496	2.402.465.448	2.357.442.322	2.187.737.622
Thuế thu nhập cá nhân	737.093.201	(510.652.239)	120.119.588	106.321.374
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.250.000	5.250.000	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	3.828.081.479	10.280.583.911	11.753.495.278	2.355.170.112

Phải thu

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	9.927.373	(8.785.428)	-	1.141.945
Cộng	9.927.373	(8.785.428)	-	1.141.945

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Chi phí lãi vay phải trả	145.841.263	141.354.414
Thủ lao Hội đồng quản trị	62.100.000	64.800.000
Chi phí thuê khoán	1.661.673.916	-
Chi phí phải trả khác	55.415.000	243.311.000
Cộng	<u>1.925.030.179</u>	<u>449.465.414</u>

5.17. Phải trả khác

	<u>31/12/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	19.600.488	60.605.204
Bảo hiểm y tế	3.293.928	10.511.040
Bảo hiểm thất nghiệp	1.553.006	3.465.825
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	197.616.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	253.401.500	5.011.835.444
Cộng	<u>277.848.922</u>	<u>5.284.033.513</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU
Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư 01/01/2018	251.431.230.000			28.356.528.668		5.647.433.178		285.435.191.846	
Tăng vốn trong năm trước	62.530.570.000	-	-	-	-	6.310.770.075	-	62.530.570.000	6.310.770.075
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	(997.544.710)	-	(332.514.904)	(332.514.904)
Trích lập các quỹ	-	-	-	665.029.806	-	86.400.000	-	86.400.000	86.400.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(143.500.000)	-	-	-	-	-	(143.500.000)	(143.500.000)
Số dư 01/01/2019	313.961.800.000		(143.500.000)	29.021.558.474		11.047.058.543		353.886.917.017	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	4.674.080.100	-	4.674.080.100	4.674.080.100
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	1.262.154.015	-	(1.893.231.022)	-	(631.077.007)	(631.077.007)
Số dư 31/12/2019	313.961.800.000		(143.500.000)	30.283.712.489		13.827.907.621		357.929.920.110	

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-DHĐCĐ/2019 ngày 29/3/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Vốn góp của các cổ đông	313.961.800.000	313.961.800.000
Cộng	313.961.800.000	313.961.800.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	313.961.800.000	251.431.230.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	62.530.570.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	313.961.800.000	313.961.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.396.180	31.396.180
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.396.180	31.396.180
+ Cổ phiếu phổ thông	31.396.180	31.396.180
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.396.180	31.396.180
+ Cổ phiếu phổ thông	31.396.180	31.396.180
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính từ 01/01/2019 đến 31/12/2019:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Dollar Mỹ (USD)	869,22	285,21
Euro (EUR)	100,08	100,08

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2019</u> VND	<u>Năm 2018</u> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.112.418.741.747	898.618.532.344
Cộng	<u>1.112.418.741.747</u>	<u>898.618.532.344</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2019</u> VND	<u>Năm 2018</u> VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã bán	1.062.595.554.785	848.653.071.794
Cộng	<u>1.062.595.554.785</u>	<u>848.653.071.794</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2019</u> VND	<u>Năm 2018</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.464.473	19.688.849
Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	81.252.842	64.408.810
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	5.582.208	-
Cộng	<u>97.299.523</u>	<u>84.097.659</u>

6.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2019</u> VND	<u>Năm 2018</u> VND
Lãi tiền vay	10.051.436.521	10.314.742.038
Lỗ chênh lệch tỷ giá	73.340.487	156.993.936
Lỗ thanh lý khoản đầu tư	4.000.000.000	6.650.000
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	(101.000.000)
Cộng	<u>14.124.777.008</u>	<u>10.377.385.974</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.5. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	51.078.733	263.838.472
Tiền phạt thu được	95.264.100	899.473.000
Các khoản khác	638.000.225	681.783.277
Cộng	784.343.058	1.845.094.749

6.6. Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản bị phạt	2.255.013.496	823.657.183
Thiệt hại do thiên tai	395.818.979	2.964.118.849
Các khoản khác	2.113.584.133	376.967.126
Cộng	4.764.416.608	4.164.743.158

6.7. Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	5.230.310.735	4.239.822.512
Chi phí bán hàng khác	3.140.053.549	3.984.872.896
Cộng	8.370.364.284	8.224.695.408

6.8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	5.265.094.905	6.230.543.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.637.801.171	1.783.106.036
Chi phí khác	9.465.830.019	13.070.712.433
Cộng	16.368.726.095	21.084.361.847

6.9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.591.850.978	6.894.369.840
Chi phí nhân công	11.129.262.966	11.039.085.287
Chi phí khấu hao	2.080.931.553	2.206.905.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.055.218.645	4.751.929.316
Chi phí khác bằng tiền	14.146.013.493	11.320.798.881
Cộng	57.003.277.635	36.213.089.089

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIỀU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng: Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ hiện hành	(*)	2.402.465.448	1.642.714.496
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành trong kỳ		-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		2.402.465.448	1.642.714.496

(*) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	7.076.545.548	7.953.484.571
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	3.862.142.562	260.087.909
Các khoản điều chỉnh tăng	3.862.142.562	260.087.909
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	10.938.688.110	8.213.572.480
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế hiện hành	10.938.688.110	8.213.572.480
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả hiện hành	2.187.737.622	1.642.714.496
Thuế TNDN bị truy thu	214.727.826	-
Tổng thuế TNDN phải trả hiện hành	2.402.465.448	1.642.714.496

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.11. Lãi trên cổ phiếu

		Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	4.674.080.100	6.310.770.075
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	VND	467.408.010	631.077.008
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	4.206.672.090	5.679.693.067
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	CP	31.396.180	30.369.247
Lãi trên cổ phiếu			
- Lãi cơ bản	VND/CP	133,99	187,02
- Lãi suy giảm	VND/CP	133,99	187,02

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi Công ty dự kiến trích bằng 10% lợi nhuận sau thuế TNDN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Các khoản tiền nhận kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn tại ngày 31/12/2019 là 0 đồng (Tại ngày 01/01/2019 là 197.616.000 đồng).

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	385.430.090.935	430.204.151.879
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
	<u>385.430.090.935</u>	<u>430.204.151.879</u>

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	370.655.127.793	444.581.091.465
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
	<u>370.655.127.793</u>	<u>444.581.091.465</u>

8. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân chia bao gồm: tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khoản mục	Hoạt động thương mại		Hoạt động không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu thuần của bộ phận	1.107.543.856.747	881.141.716.344			1.112.418.741.747	898.528.550.344
Chi phí của bộ phận	(1.058.766.221.199)	(835.546.775.010)			(1.062.595.554.785)	(848.653.071.794)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	48.777.635.548	45.594.943.334			49.823.186.962	49.875.478.550
Doanh thu không phân bổ			97.299.523	84.097.659	97.299.523	84.097.659
Chi phí không phân bổ			(38.863.867.387)	(39.685.443.229)	(26.889.371.638)	(51.205.833.032)
Thu nhập khác			784.343.058	1.845.094.749	784.343.058	1.845.094.749
Chi phí khác			(4.764.416.608)	(4.367.747.778)	(4.764.416.608)	(4.367.747.778)
Chi phí thuế TNDN			(2.402.455.448)	(1.642.714.496)	(2.402.455.448)	(1.642.714.496)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					4.674.080.100	6.310.770.075

Khoản mục	Hoạt động thương mại		Hoạt động không phân bổ		Tổng cộng	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản bộ phận	549.026.085.805	589.604.559.274	-	-	549.026.085.805	589.604.559.274
Tài sản không phân bổ	-	-	20.261.304.042	21.393.911.947	20.261.304.042	21.393.911.947
Tổng tài sản	549.026.085.805	589.604.559.274	20.261.304.042	21.393.911.947	569.287.389.847	610.996.471.221
Nợ phải trả bộ phận	84.313.576.681	145.054.950.158	-	-	84.313.576.681	145.054.950.158
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	127.134.912.245	112.056.604.046	127.134.912.245	112.056.604.046
Tổng nợ phải trả	87.096.231.571	145.054.950.158	125.993.594.300	112.056.604.046	211.448.490.926	257.111.554.204

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thông tin về khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại thị trường trong nước.

9. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Các cam kết**

Công ty hiện đang thuê nhà làm văn phòng và thuê kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dưới một năm	2.416.634.700	3.025.114.500
Trên một năm đến năm năm	5.664.207.425	6.987.096.725
Trên năm năm	1.753.777.800	2.848.466.700
Tổng	9.834.242.525	12.860.677.925

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty đã được gia hạn theo sự đồng ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 16/CV-ĐKKD ngày 15/4/2020.

Ngoài ra, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền lương thưởng, thù lao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	761.025.000	1.260.689.394
Tổng	761.025.000	1.260.689.394

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Anh trai và chị dâu Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty	Bảo lãnh vay vốn ngân hàng	2.690.000.000	2.690.000.000
Ông Dương Hữu Hiếu	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty	Bảo lãnh vay vốn ngân hàng	3.800.000.000	3.800.000.000
Ông Dương Hữu Hiếu và Bà Nguyễn Thị Hoài Giang	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty	Bảo lãnh vay vốn ngân hàng	4.800.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hoài Giang	Vợ Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty	Bảo lãnh vay vốn ngân hàng	4.964.000.000	4.964.000.000
		Bảo lãnh vay vốn ngân hàng bằng giá trị tòa nhà S16	66.524.380.000	65.460.920.000
		Bù trừ tiền đất cọc thuê đất Đà Nẵng	1.400.000.000	-
		Bù trừ tiền đất cọc thuê nhà	3.285.270.000	-
		Bù trừ công nợ thanh lý Nhà Văn phòng Đà Nẵng	1.573.144.398	-
Bà Dương Thị Hào và Ông Vũ Anh Tuấn	Em gái và em rể Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty	Bảo lãnh vay vốn ngân hàng	2.000.000.000	2.000.000.000
Bà Dương Thị Hà và Ông Ngô Xuân Bình	Chị gái và anh rể Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty	Bảo lãnh vay vốn ngân hàng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	Công ty liên kết	Bảo lãnh vay vốn ngân hàng bằng Máy móc thiết bị	1.560.000.000	1.400.000.000
		Bảo lãnh vay vốn ngân hàng bằng Phương tiện vận tải	7.806.770.000	7.000.000.000
Số dư với các bên liên quan			31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ		
Phải thu khác				
Bà Nguyễn Thị Hoài Giang	Vợ Ông Dương Hữu Hiếu - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty	Đặt cọc tiền thuê nhà và đất	2.850.107.732	7.885.270.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2, tổ 20, Phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, Công ty trình bày lại một số chỉ tiêu như sau:

I BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		MÃ SỐ	Số 31/12/2018 (Đã kiểm toán) VND	Điều chỉnh VND	Số 01/01/2019 (Trình bày lại) VND
1	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	-	9.927.373	9.927.373
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.818.154.106	9.927.373	3.828.081.479
II BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		MÃ SỐ	Số 31/12/2018 (Đã kiểm toán) VND	Điều chỉnh VND	Số 01/01/2019 (Trình bày lại) VND
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	193,77	(6,75)	187,02
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	187,02	187,02
III BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		MÃ SỐ	Số năm 2018 (Đã kiểm toán) VND	Điều chỉnh VND	Số năm 2018 (Trình bày lại) VND
1	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.660.566.481	(1.453.660.716)	2.206.905.765
2	Tăng giảm hàng tồn kho	10	5.845.918.027	1.453.660.716	7.299.578.743

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

HÀ THỊ HẢI YẾN

ĐẶNG THIÊU HOA

DƯƠNG HỮU HIẾU